
LỰC LƯỢNG KINH TẾ TƯ NHÂN VIỆT NAM – ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC

Ngô Thăng Lợi

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: loint@neu.edu.vn

Nguyễn Thị Hoa

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hoantkht@neu.edu.vn

Mã bài: JED-2020

Ngày nhận: 25/09/2024

Ngày nhận bản sửa: 02/10/2024

Ngày duyệt đăng: 08/10/2024

DOI: 10.33301/JED.VI.2020

Tóm tắt:

Bài viết nhìn nhận dưới góc độ lực lượng kinh tế tư nhân, tức là cấu trúc hệ thống tổng thể các bộ phận cấu thành khu vực này. Theo cách tiếp cận đó, ngoài việc đánh giá được những bước tiến nhảy vọt của khu vực này, từ chỗ là đối tượng tôn tại để cải tạo đến chỗ được định vị là khu vực giữ vai trò động lực quan trọng trong phát triển đất nước, bài viết đã phát hiện được những “vấn đề” của kinh tế tư nhân Việt Nam hiện nay, như: mất cân đối giữa các nhóm quy mô doanh nghiệp, những yếu kém trong sự liên kết giữa các bộ phận cấu thành, kể cả vai trò hạn chế của các “sếu đầu đàn”, sự tham gia yếu ớt của các loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng như các hộ kinh doanh cá thể trong quá trình hình thành và phát triển các mô hình chuỗi liên kết. Trên cơ sở các phát hiện hai nhóm nguyên nhân chính của các vấn đề nói trên là những yếu kém của chính lực lượng kinh tế tư nhân và những bất cập trong hệ thống chính sách hỗ trợ của Nhà nước, bài viết đề xuất hai nhóm giải pháp tương ứng nhằm nâng cao vai trò động lực quan trọng của kinh tế tư nhân trong quá trình thực hiện khát vọng phát triển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Từ khóa: Lực lượng kinh tế tư nhân, động lực, mô hình liên kết, chính sách, bao trùm, hỗ trợ.

Mã JEL: L26; O17; O25

Vietnam’s private economy - an important driving force for economic development

Abstract:

The study looks from the perspective of private economic forces, i.e. the overall system structure of the components constituting this sector. Based on that perspective, in addition to assessing the paradigm shift in recognition of this sector’s status from a subject to be reformed to be an important driving force of the country’s development, the research has identified “problems” of Vietnam’s private economy, such as a structural imbalance among firm sizes, critical weaknesses in the inner connection between components of the system, including the modest role of the “lead firms”, weak participation of small and medium-sized firms and household businesses in networking and making linkages, and developing value chains. Two main groups of causes of these problems stemming from imbedded weaknesses of the private economic force and shortcomings of the government’s support policies have been detected. Accordingly, two sets of suggestions for strengthening the driving role of the private sector are proposed for realizing Vietnam’s development aspirations to the year 2030, with a vision towards year 2045.

Keywords: Private economic forces, driving force, linkage model, policy, inclusiveness, support.

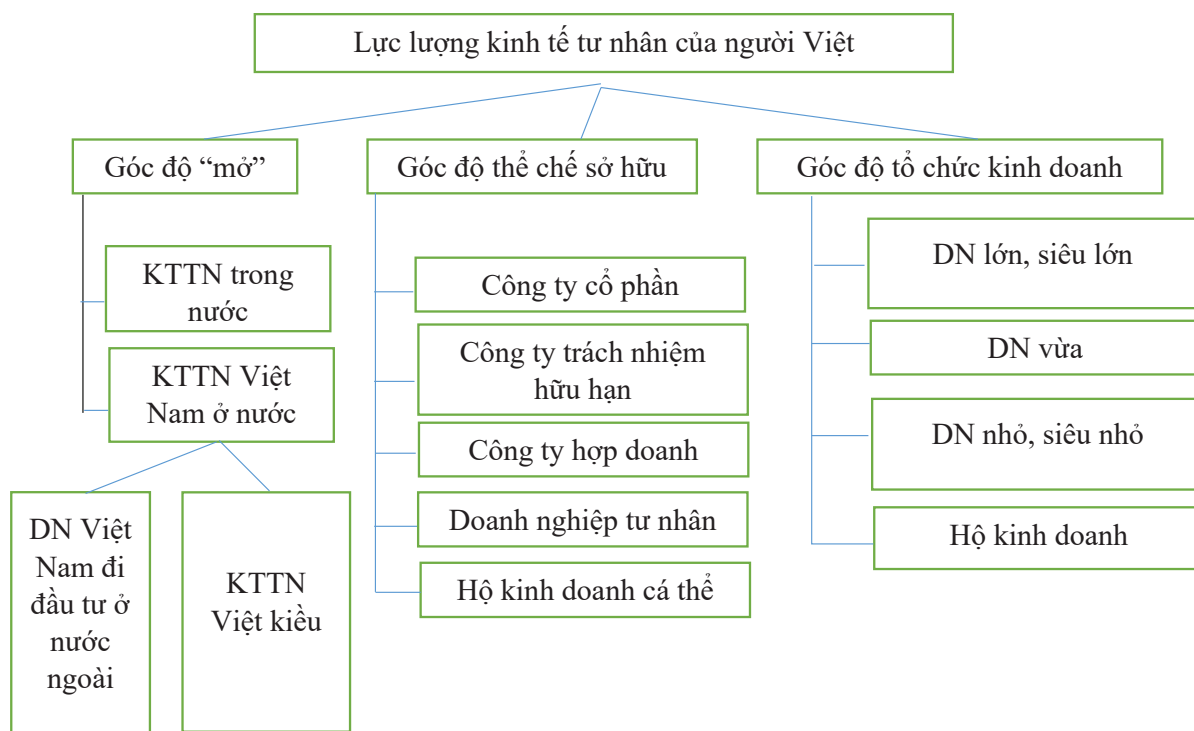
JEL Codes: L26; O17; O25

1. Đặt vấn đề

Đã có nhiều cách hiểu về kinh tế tư nhân theo các góc độ nhìn nhận khác nhau, như: xem xét kinh tế tư nhân như là một hình thức sở hữu tức là thành phần kinh tế (Thomsen & Pedersen, 1998; ADB, 2002; CIEM, 2021), hay nhìn nhận kinh tế tư nhân theo góc độ là một hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh (Lindert, 2009), v.v... Trên cơ sở phân tích và tổng hợp các nghiên cứu trước, bài viết cho rằng kinh tế tư nhân của người Việt Nam, hiểu một cách tổng thể, là một bộ phận của nền kinh tế, được vận hành bởi các đơn vị kinh tế (ở trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam) mà chủ thể là người Việt Nam, đại diện cho sở hữu tư nhân (hoặc cá thể) thực hiện kinh doanh vì lợi nhuận và các mục tiêu xã hội khác.

Trong thời gian qua, khi đánh giá cũng như định hướng phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam, có nhiều quan điểm mang tính thiên lệch về số lượng, coi số lượng doanh nghiệp (DN) thành lập là tiêu chí chủ yếu đánh giá kết quả hoạt động bộ máy và thành tích phát triển kinh tế tư nhân (Trần Đình Thiên, 2020). Từ đó đưa ra mục tiêu số doanh nghiệp/1000 dân là tiêu chí đánh giá phát triển doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp tư nhân nói riêng. Điều này đúng, nhưng chưa đủ và thậm chí không quan trọng bằng cách nhìn nhận dưới góc độ sức mạnh của kinh tế tư nhân với tư cách là một khối liên kết hữu cơ, xoắn quện với nhau thành một tổng thể, gọi là lực lượng kinh tế tư nhân. Lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam được hiểu là một tổng thể cấu trúc các loại hình kinh tế tư nhân mang quốc tịch Việt Nam, trong đó mỗi bộ phận được xác định trong mối quan hệ với các bộ phận khác và với tổng thể hệ thống, tạo thành nền tảng của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam.

Hình 1: Các bộ phận cấu thành lực lượng kinh tế tư nhân của người Việt Nam



Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Những điểm nhấn quan trọng từ nội hàm trên: (i) Trong lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam, vai trò và chức năng của mỗi thành tố được xác định trong mối liên hệ với các thành tố khác và với tổng thể - hệ thống, theo đó, các tập đoàn kinh tế (doanh nghiệp lớn và siêu lớn) đóng vai trò “trụ cột”, làm trục liên kết các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo thành “chuỗi”, “mạng” sản xuất Việt Nam; (ii) Trong thành tố cấu thành lực lượng kinh tế tư nhân, cần lưu ý bộ phận kinh tế tư nhân Việt Nam ở nước ngoài, bao gồm các doanh nghiệp đi đầu tư nước ngoài và kinh tế tư nhân của người Việt Nam sống ở nước ngoài (Việt kiều).

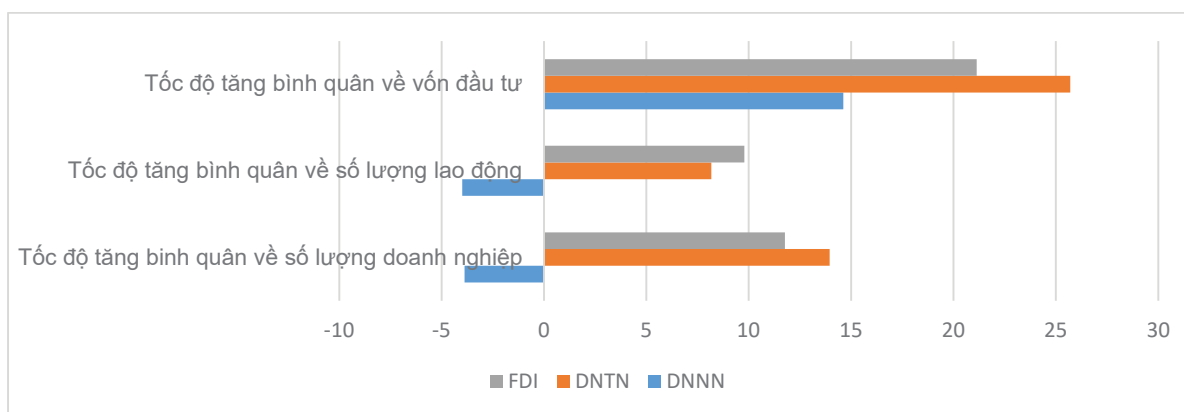
Xét về nguyên lý, nền kinh tế thị trường có cấu trúc đa sở hữu, trong đó kinh tế tư nhân luôn luôn là thành tố tất yếu, bắt buộc, phủ nhận kinh tế tư nhân có nghĩa là bác bỏ kinh tế thị trường trên thực tế (V.I.Le Nin, 1978). Trong các nền kinh tế thị trường (bao gồm kinh tế thị trường tự do, kinh tế thị trường – xã hội hay kinh tế thị trường – nhà nước) sự tăng trưởng kinh tế bền vững được quyết định bởi các tư nhân hoạt động vì lợi nhuận (E.Wayne Nafziger, 1998) và việc quyết định xem sản xuất và tiêu thụ cái gì và bao nhiêu (cũng như ở đâu và như thế nào) đều được các đơn vị kinh tế tư nhân đưa ra (Todaro, 1997). Đối với Việt Nam, một khi đã theo đuổi sự phát triển bằng phương thức kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì kinh tế nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, định hướng quá trình phát triển. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc trưng và những thế mạnh gắn liền với thị trường, thì khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng trong quá trình phát triển đất nước (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Mức độ thực hiện được sứ mệnh là động lực quan trọng phụ thuộc vào bản thân sự lớn lên của kinh tế tư nhân, sự hỗ trợ của Nhà nước và sự gắn kết với kinh tế nhà nước và khu vực doanh nghiệp FDI. Trên cơ sở Nghị quyết 10-NQ/TW (Đảng cộng sản Việt Nam, 2017) và gần đây là Nghị quyết số 41-NQ/TW (2023) của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 45/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ (2023) chuyên đề về phát triển kinh tế tư nhân, bài viết đưa ra các tiêu chí thể hiện vai trò động lực phát triển quan trọng của lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, là cơ sở để nhìn nhận và đánh giá đúng khu vực kinh tế này, theo đó: (i) Cần chiếm tỷ trọng ngày càng cao về số lượng doanh nghiệp và các yếu tố nguồn lực; (ii) Phải có cơ cấu tổ chức hợp lý nhằm tạo ra sự lớn mạnh của toàn bộ lực lượng kinh tế tư nhân; (iii) Đóng vai trò là động lực tác động mạnh nhất đến tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và đóng góp ngân sách cho nền kinh tế cả về số và chất lượng; (iv) Phải đi đầu trong việc thực hiện các mô hình kinh doanh hiện đại và phát triển bền vững trên cơ sở gắn kết chặt chẽ và có hiệu quả các bộ phận cấu thành lực lượng kinh tế tư nhân.

2. Những thành quả khẳng định vai trò là động lực trong phát triển kinh tế đất nước của lực lượng kinh tế tư nhân

Thứ nhất, lực lượng kinh tế tư nhân trở thành động lực trong tăng trưởng quy mô nền kinh tế

Nếu xem xét quy mô nền kinh tế ở góc độ sự gia tăng nguồn lực, bình quân giai đoạn 2011-2022, lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam có tốc độ tăng trưởng vượt trội so với các khu vực kinh tế khác về số lượng doanh nghiệp (bình quân năm đạt 14,7%), quy mô vốn đầu tư (25,3%) và lực lượng lao động (8%) (Hình 2).

Hình 2: Tốc độ tăng bình quân về số lượng doanh nghiệp, số lượng lao động, vốn đầu tư doanh nghiệp tư nhân giai đoạn 2011-2022



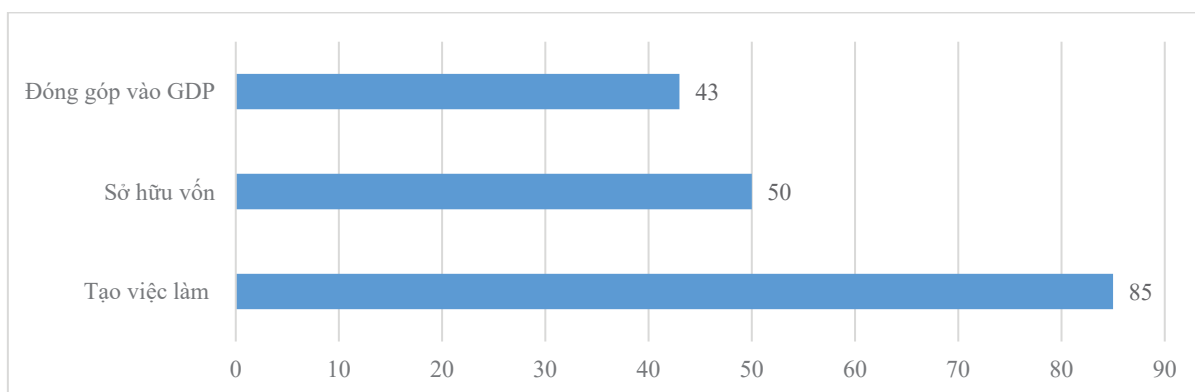
Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023a)

Các con số tương ứng trung bình của cả nước theo Hình 2 chỉ là: 10%, 21,9% và 5,1%. Một số yếu tố như tốc độ tăng vốn đầu tư và số lượng doanh nghiệp, còn cao hơn cả mức các doanh nghiệp FDI đạt được (tương ứng chỉ là 20% và 12,3%). Tương ứng với sự gia tăng quy mô các yếu tố nguồn lực thì doanh thu thuần của khu vực kinh tế tư nhân cũng có sự gia tăng cao hơn so với các khu vực khác, bình quân giai đoạn 2011-2022, tốc độ tăng trưởng doanh thu doanh thu từ các doanh nghiệp khu vực tư nhân tăng đạt 13,5%/năm, cao hơn nhiều so với doanh nghiệp nhà nước (chỉ đạt 6,1% bình quân hàng năm) và xấp xỉ bằng với khu vực FDI (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023a).

Thứ hai, lực lượng kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng đóng góp vào thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước

Cho đến nay, khu vực kinh tế tư nhân đã đóng góp trên 50% vào tổng mức tăng trưởng hàng năm và chiếm 43% tổng GDP, 53,4% tổng vốn đầu tư xã hội và 82,07% lao động hoạt động trong nền kinh tế, 38% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn bộ doanh nghiệp, 51% tổng thu nhập tạo ra cho người lao động trong doanh nghiệp, đóng góp trên 40% tổng thu ngân sách nhà nước (cao hơn các khu vực khác).

Hình 3: Đóng góp của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam vào tăng trưởng kinh tế 2022



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023a)

Thứ ba, hệ thống các tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp quy mô lớn khu vực tư nhân đang đóng vai trò chủ lực đối với sự phát triển trong một số lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế

Trong thời gian qua: (i) Số lượng doanh nghiệp quy mô lớn đã tăng lên, một số doanh nghiệp phát triển đạt tầm khu vực và thế giới, góp phần nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Theo Viện chiến lược - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), tính đến 2023, có 315 doanh nghiệp khu vực tư nhân thuộc danh sách 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, trong danh sách 200 công ty khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, hoạt động hiệu quả cao có doanh thu trên 1 tỷ USD, khu vực tư nhân Việt Nam có 7 công ty; (ii) Trong Bảng xếp hạng FAST500 - Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do Vietnam Report (2024a) và VietNamNet công bố vào tháng 3/2024, doanh nghiệp tư nhân (DNTN) chiếm đa số với 82,4% và tỷ lệ này khá ổn định trong nhiều năm gần đây; (iii) Trong bảng xếp hạng Profit 500 - TOP 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam (Vietnam Report, 2024b), khả năng sinh lời (ROA, ROE) của doanh nghiệp tư nhân khá tốt, và có xu hướng thu hẹp với doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; (iv) Trong nội bộ khu vực tư nhân, theo Công bố báo cáo đánh giá 500 doanh nghiệp lớn nhất (VPE 500) năm 2023 của Viện chiến lược - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, mặc dù chỉ chiếm 0,075% số lượng doanh nghiệp khu vực tư nhân nhưng 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất đã đóng góp 12% lao động, chiếm 28% tổng tài sản và đóng góp 18,4% doanh thu của các doanh nghiệp tư nhân trên cả nước. Những dấu hiệu này đã nhen nhóm ý tưởng của nhóm nghiên cứu trong việc nâng tầm vị trí doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lên một bước cao hơn trong thời gian tới.

3. Những vấn đề trong phát triển lực lượng kinh tế tư nhân làm giảm vai trò động lực phát triển đất nước

Một là, lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam đang có những dấu hiệu “hụt hơi” trong quá trình thực hiện vai trò động lực mở rộng quy mô nền kinh tế

Mặc dù vẫn là khu vực dẫn dắt toàn nền kinh tế về tăng trưởng số lượng doanh nghiệp, vốn, lao động. Tuy nhiên, trong quá trình dẫn dắt, khu vực kinh tế tư nhân đang có những dấu hiệu “hụt hơi”: (i) Tốc độ tăng trưởng về số lượng doanh nghiệp, doanh thu, vốn đầu tư hay lao động của giai đoạn từ 2016 đến nay chậm dần so với giai đoạn từ 2011-2015, thậm chí thấp hơn khu vực doanh nghiệp FDI; (ii) Hiện tượng doanh nghiệp không muốn lớn hay thậm chí “mini hóa” có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây.

Bảng 1: Quy mô doanh nghiệp tư nhân so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI năm 2021

Loại hình doanh nghiệp	Số lao động bình quân 1 doanh nghiệp (lao động)	Số vốn bình quân 1 doanh nghiệp (tỷ đồng)	Doanh thu bình quân 1 doanh nghiệp (tỷ đồng)
DNTN	13	43,8	25,32
DNNN	514,4	53000	1772,99
FDI	229	420	417,96

Nguồn: Tính toán từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023a)

(iii) Hiện tượng doanh nghiệp tư nhân ngừng hoạt động hoặc phá sản cũng có xu hướng tăng thậm chí xấp xỉ bằng số doanh nghiệp thành lập mới. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2024), 5 tháng đầu năm 2024 bình quân mỗi tháng có 19.500 doanh nghiệp đóng cửa. Số này chỉ thấp hơn một chút so với 19.800 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay lại hoạt động mỗi tháng từ đầu năm.

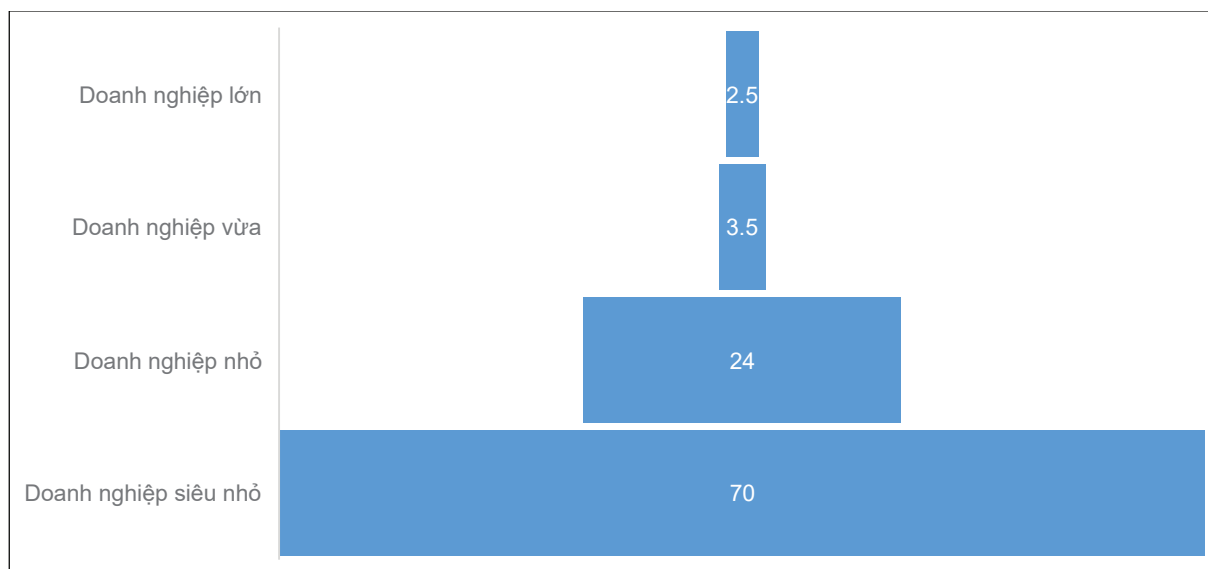
Hai là, những bất cập trong cấu trúc của lực lượng kinh tế tư nhân đã làm yếu vai trò là động lực phát triển đất nước

(i) Các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn còn quá ít ỏi, không đủ tạo ra lực hút để thực hiện vai trò dẫn dắt toàn bộ lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt Nam trong quỹ đạo phát triển của họ như các “sếu đầu đàn”. Các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam có kết quả hoạt động kinh doanh tốt, nhưng trong hoạt động kinh doanh, kể cả khi đầu tư ra nước ngoài, nhìn chung chủ yếu vẫn là hoạt động kinh doanh mang tính độc lập, khép kín trong nội bộ tập đoàn, không có sự liên kết với nhau trong kinh doanh, thậm chí thủ thê với nhau kể cả trong quan điểm kinh doanh. Quan trọng hơn, trong “sứ mệnh” hay “tầm nhìn” phát triển của các tập đoàn lớn vẫn chưa đặt vấn đề xây dựng và phát triển được các chuỗi - mạng sản xuất, do các tập đoàn làm chủ, liên kết với các doanh nghiệp vừa và nhỏ của lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt Nam thành một khối sức mạnh.

(ii) Doanh nghiệp quy mô vừa rất thiếu nên không thể đóng được vai trò trung gian giữa doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ với doanh nghiệp lớn và ít có khả năng chuyên tiếp lên quy mô lớn. Sự thiếu vắng các doanh nghiệp quy mô vừa đã phản ánh các doanh nghiệp tư nhân nhỏ thiếu năng lực, động cơ và tham vọng lớn lên về quy mô

(iii) Các đơn vị kinh tế tư nhân còn lại có quy mô nhỏ siêu nhỏ là chủ yếu (96%), thành phần chủ yếu là kinh tế cá thể (hộ kinh doanh) nên rất khó có thể liên kết hay nhận sự hỗ trợ của các doanh nghiệp lớn.

Hình 4: Tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân theo quy mô năm 2022



Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023b)

(iv) Phần lớn doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ có hạn chế về năng lực khoa học - công nghệ, năng lực cạnh tranh, năng lực quản trị và hội nhập kinh tế quốc tế, sản phẩm sản xuất và kinh doanh nhỏ lẻ, dung lượng vốn thấp, chất lượng không cao, cơ hội tham gia vào mạng sản xuất và các chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu còn thấp. Trong khi đó, theo nghiên cứu kinh nghiệm của các nước như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, kể cả Trung Quốc cho thấy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa phần lớn là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, có sử dụng công nghệ cao và đảm nhận hoạt động kinh doanh, mặc dù tính chất thương mại của sản phẩm không lớn về quy mô nhưng lại chủ yếu là các sản phẩm sáng tạo, các sản phẩm mang tính “vườn ươm”, “lồng ấp” và được các doanh nghiệp lớn mua lại để thực hiện thương mại hóa, có vị trí nhất định trong chuỗi giá trị sản xuất.

Ba là, các mối liên kết của lực lượng kinh tế tư nhân còn yếu kém và đơn giản

Theo số liệu Báo cáo thường niên doanh nghiệp năm 2022 (VCCI, 2023), tỷ lệ liên kết tham gia hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa với các doanh nghiệp lớn thuộc khu vực tư nhân ở Việt Nam hiện nay rất thấp và độ sâu của liên kết còn rất yếu. Ngành điện tử viễn thông là 5-10%, sản xuất ô tô: 7-10%, tỷ lệ nội địa hóa trong các doanh nghiệp FDI chỉ đạt 34% về số lượng phụ tùng linh kiện và 5% xét theo giá trị sản phẩm (so với Trung Quốc đạt 68%, Thái lan 57%). Các doanh nghiệp khu vực tư nhân Việt Nam cũng chưa chú trọng cải thiện khả năng liên kết, nâng cao năng lực cạnh tranh để tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, chỉ có khoảng 21% doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia được một phần chuỗi giá trị toàn cầu, 14% thành công trong việc liên kết với đối tác nước ngoài. Trong Báo cáo phát triển bền vững khu vực doanh nghiệp tư nhân trình Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018) nhận định sự liên kết của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam khá lỏng lẻo, đặc biệt là có rất ít mối liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp có quy mô lớn hơn. Bên cạnh đó, các hình thức liên kết kinh tế còn khá đơn giản, sơ khai, chưa triển khai được các hình thức liên kết “mềm” thông qua thỏa thuận, hợp tác sử dụng thương hiệu, dịch vụ, kết quả nghiên cứu đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ chung trong tập đoàn theo nguyên tắc thị trường.

Bốn là, đóng góp lực lượng kinh tế tư nhân còn chưa đủ mạnh để tạo ra những bước đi nhảy vọt vào mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước

Các yếu tố kìm hãm chủ yếu thuộc về chất lượng hoạt động kinh doanh của lực lượng tư nhân, trong đó có thể kể đến: (i) Mặc dù lực lượng kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng cao trong toàn nền kinh tế về mặt số lượng (97,5% số doanh nghiệp, 85% tổng lao động và vốn đầu tư), nhưng tỷ trọng chiếm trong GDP chỉ khoảng 39-40%, đóng góp vào tăng trưởng GDP chỉ trên dưới 50% và gần như không thay đổi trong nhiều năm vừa qua (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023b); (ii) Hiệu quả kinh doanh (bảo gồm cả hiệu quả sử dụng nguồn lực và hiệu quả tài chính) của khu vực kinh tế tư nhân nhìn chung là thấp: tỷ lệ số doanh nghiệp thua lỗ cao, chiếm gần 50% tổng số doanh nghiệp, cao hơn doanh nghiệp FDI (43,4%) và cao hơn nhiều so với doanh nghiệp nhà nước (17,3%) (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023a)

Bảng 2: Tỷ lệ doanh nghiệp ghi nhận lãi/ lỗ theo loại hình doanh nghiệp

		Bình quân 2011-2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ DN báo lãi (%)	DNNN	80,2	83,5	81,1	78,5	79,3	77,6	81,0
	DN khu vực tư nhân	46,1	47,0	45,2	43,7	42,6	39,3	39,1
	DN FDI	51,3	51,4	51,0	51,5	52,6	47,5	50,1
Tỷ lệ DN báo lỗ (%)	DNNN	17,9	15,6	15,2	19,3	18,8	18,7	17,3
	DN khu vực tư nhân	39,9	49,3	48,3	48,6	49,0	41,5	50,7
	DN FDI	46,7	47,9	42,3	46,6	45,6	43,4	47,1

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023a)

(iii) Trong số 40% đóng góp vào GDP của nền kinh tế có tới trên 30% là thuộc về các hộ kinh doanh cá thể, điều này không chỉ kìm hãm hiệu quả kinh doanh, lãng phí khá lớn nguồn lực phân bổ cho khu vực kinh doanh không hiệu quả và một tổn thất rất lớn cho nền kinh tế đó là tổn thất một lượng khá lớn về thu ngân sách nhà nước khi một phần lớn bộ phận kinh tế tư nhân đóng góp vào GDP của nền kinh tế là hộ kinh doanh cá thể.

(iv) Thu nhập bình quân tháng của doanh nghiệp khu vực tư nhân mặc dù có tăng lên, (năm 2021 đạt khoảng 9 triệu đồng/lao động) nhưng so với doanh nghiệp nhà nước chỉ bằng 57,1% và gần 80,5% khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2023b). Thu nhập thấp của người lao động khu vực kinh tế tư nhân đã gây ảnh hưởng không tích cực đến việc thực hiện một số mục tiêu xã hội đặt ra về cải thiện, nâng cao mức sống dân cư, xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội.

4. Nguyên nhân của các vấn đề trong phát triển của lực lượng kinh tế tư nhân

Thứ nhất, đối với thực thể khu vực kinh tế tư nhân có thể nói là hiện nay chưa có mô hình thích hợp, có hiệu quả để gắn kết các bộ phận cấu thành của lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam

(i) Các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn (tập đoàn kinh tế) chưa chủ động được vai trò dẫn dắt trong mô hình phát triển đa tầng lực lượng doanh nghiệp tư nhân Việt Nam; (ii) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn thiếu các điều kiện tiên quyết để có thể tham gia liên kết kinh doanh với các doanh nghiệp quy mô lớn của khu vực tư nhân cũng như của các khu vực kinh tế khác; (iii) Chưa có được mô hình liên kết giữa bộ phận doanh nghiệp tư nhân trong nước với các doanh nghiệp, doanh nhân Việt kiều ở nước ngoài để phát huy được thế mạnh của từng bộ phận tạo nên sức mạnh cộng sinh của kinh tế tư nhân trong nước và ngoài nước.

Thứ hai, những yếu kém liên quan đến hệ thống chính sách phát triển

Bài viết cho rằng hệ thống chính sách của nhà nước hiện còn nhiều khía cạnh bất cập, thiếu tính bao trùm (công bằng) và thậm chí gây khó hơn cho khu vực kinh tế tư nhân, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (so với các khu vực kinh tế khác) trong tiếp cận các yếu tố nguồn lực, thực hiện sản xuất kinh doanh và nhất là trong phân phối thu nhập từ kết quả kinh doanh. Trong khi đó, nếu coi các doanh nghiệp vừa, nhỏ, siêu nhỏ là đối tượng “yếu thế” trong thị trường cạnh tranh, thì các chính sách nhà nước lại chưa hướng đến hỗ trợ có hiệu quả cho bộ phận này. Nhìn chung, những đặc ân cho doanh nghiệp nhà nước và những ưu đãi lớn cho khu vực FDI trên mọi phương diện làm cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân càng gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận các yếu tố nguồn lực và nhất là chịu nhiều thua thiệt trong nghĩa vụ nộp thuế so với khả năng doanh thu và lợi nhuận của mình.

Bảng 3: Cơ cấu vốn, doanh thu, lợi nhuận và nộp thuế năm 2022

	<i>Đơn vị: %</i>			
	Doanh thu	Lợi nhuận	Mức nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	Vốn
DN nhà nước	11,2	20,4	24,2	21,1
DN ngoài nhà nước	57,9	35,6	45,3	59,4
DN nghiệp FDI	30,9	44	30,5	19,5

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023a)

Khu vực doanh nghiệp tư nhân là khu vực có hiệu quả kinh doanh thấp nhất, vốn và doanh thu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu xét theo thành phần kinh tế (xấp xỉ 60%), nhưng mức lợi nhuận chỉ chiếm khoảng 35% tổng lợi nhuận của nền kinh tế thu được, trong khi đó đã đóng góp tới 45,3% tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp. Khu vực FDI có hiệu quả kinh doanh cao, với tổng lợi nhuận đem lại xấp xỉ 50% tổng lợi nhuận của nền kinh tế nhưng mức đóng góp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách nhà nước lại chỉ là hơn 30%.

5. Một số giải pháp nhằm bảo đảm lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển đất nước

Dựa trên hai nhóm nguyên nhân làm yếu đi sức mạnh của lực lượng kinh tế tư nhân, với quan điểm nâng tầm vai trò của kinh tế tư nhân trong thời gian tới để thực hiện các khát vọng Việt Nam: năm 2030 trở thành nước có mức thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 là nước phát triển có mức thu nhập cao, bài viết đưa ra hai nhóm giải pháp nhằm khắc phục các điểm yếu của lực lượng kinh tế tư nhân hiện nay.

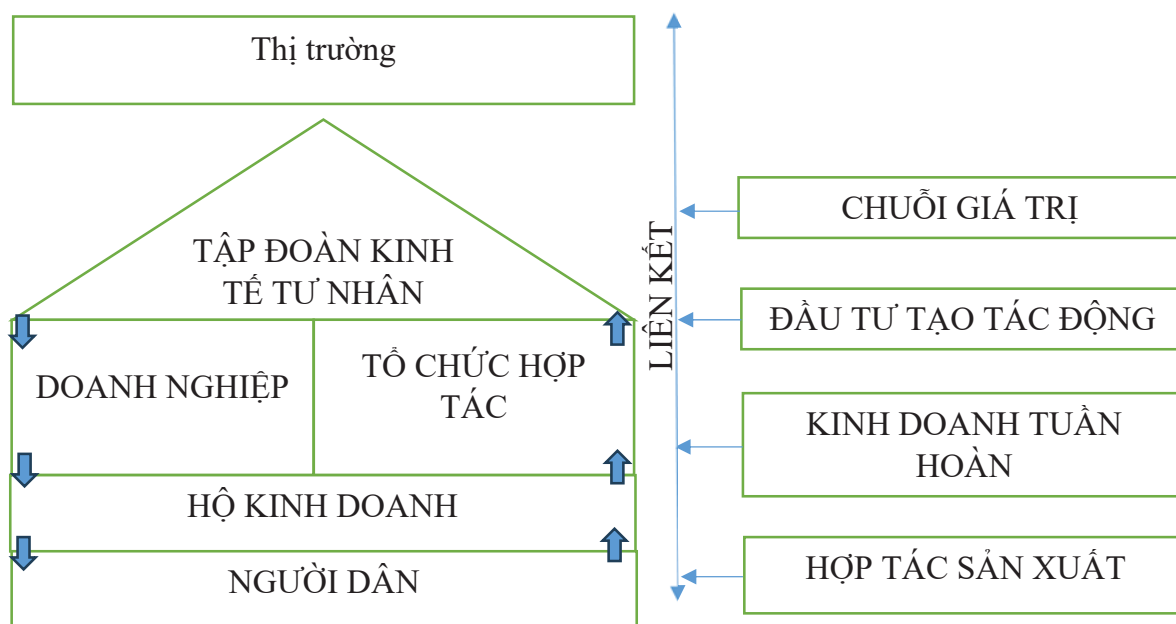
5.1. Đề xuất mô hình liên kết lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam

Mô hình 1: Mô hình „hiệu ứng chảy tràn“ - liên kết các loại hình doanh nghiệp tư nhân trong nước với nhau

Mô hình này hướng các bộ phận cấu thành kinh tế tư nhân thực hiện liên kết kinh tế với nhau xuất phát trước hết từ mục tiêu kinh tế (lợi nhuận của doanh nghiệp), sau đó là từ sự phân định (dựa trên các bên cùng có lợi) một cách hợp lý (theo năng lực) sân chơi của các bộ phận cấu thành. Quá trình này hiệu quả và sự lớn mạnh của các bộ phận cấu thành kinh tế tư nhân được “tràn” từ trên (các tập đoàn kinh tế tư nhân) xuống dưới, tạo thành một hệ thống vững bền vững theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi

Nội dung mô hình “hiệu ứng” chảy tràn thể hiện qua hình 5.

Hình 5: Mô hình liên kết doanh nghiệp tư nhân dạng “Hiệu ứng chảy tràn”



Mô hình trên thể hiện rõ nội dung phân công lao động giữa doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế tư nhân với các loại hình doanh nghiệp tư nhân khác dựa trên nguyên tắc cùng có lợi. Quan hệ hợp tác cùng có lợi giữa các tập đoàn kinh tế tư nhân với các doanh nghiệp khác tạo nên sự phát triển mà cả phía doanh nghiệp cũng như xã hội và người dân đều được hưởng lợi ích. Hợp tác kinh doanh có thể tạo thành những doanh nghiệp lớn mạnh cả về tiềm lực kinh tế lẫn quy mô. Có như vậy, mới cạnh tranh được với những tập đoàn nước ngoài, vươn ra sân chơi toàn cầu và hình thành nên chuỗi giá trị. Theo mô hình này:

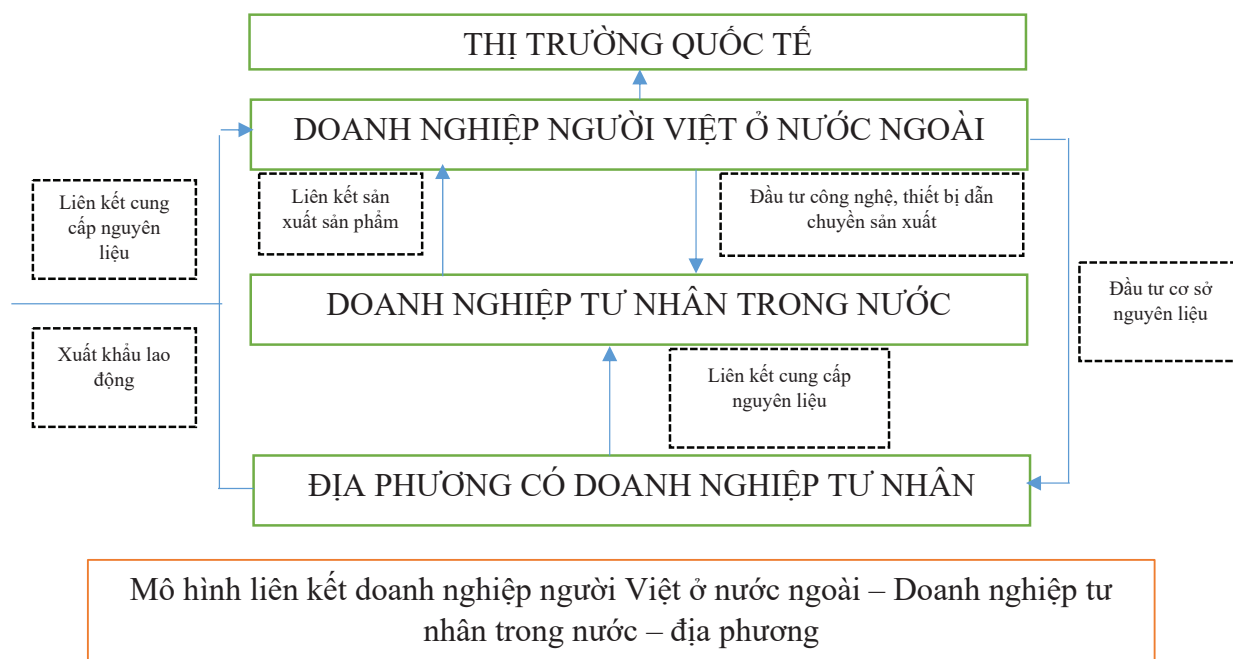
- Tiếp cận trực tiếp với thị trường, thực hiện thương mại hóa sản phẩm là các doanh nghiệp lớn hoặc các tập đoàn kinh tế tư nhân (thường hay gọi là các sếu đầu đàn). Để có được sản phẩm đồng bộ với quy mô lớn, chất lượng cao và chi phí thấp, các tập đoàn thực hiện các liên kết trực tiếp hoặc gián tiếp với các bộ phận khác của khu vực kinh tế tư nhân, dưới các hình thức khác nhau như: Liên kết chuỗi giá trị sản xuất, liên kết kinh doanh tuần hoàn, liên kết hợp tác, hợp đồng cung cấp và trao đổi sản phẩm hay theo kiểu doanh nghiệp kinh doanh tạo tác động. Nhờ liên kết mà kết quả kinh doanh và sự phát triển được chảy tràn từ trên xuống.

- Các doanh nghiệp vừa và nhỏ là đối tác đáng tin cậy để các doanh nghiệp lớn, các tập đoàn kinh tế tư nhân hợp tác, liên kết và đặt hàng sản phẩm, phụ tùng chi tiết cũng như các dịch vụ trong toàn bộ chuỗi sản xuất và cung ứng sản phẩm. Đồng thời các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng là thị trường quan trọng trực tiếp tiêu thụ hoặc tham gia phân phối các sản phẩm của các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn. Họ cũng có thể là nơi mà các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn tổ chức nghiên cứu hoặc thực hiện những sáng tạo mới, ứng dụng công nghệ mới trong kinh doanh.

Mô hình 2: Mô hình liên kết doanh nghiệp người Việt Nam ở nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân trong nước trên địa bàn địa phương có doanh nghiệp với việc tăng cường củng cố vai trò của hiệp hội doanh nghiệp trong và ngoài nước

Nhóm nghiên cứu dựa trên lợi thế và bất lợi thế của 2 bộ phận doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài nước, đề xuất một mô hình liên kết thể hiện cụ thể qua Hình 6.

Hình 6: Mô hình liên kết doanh nghiệp Việt kiều với khu vực tư nhân trong nước



Theo mô hình này: Doanh nghiệp tư nhân người Việt ở nước ngoài có lợi thế về thị trường tiêu thụ sản phẩm, về các điều kiện vốn đầu tư, công nghệ và thiết bị sản xuất kinh doanh hiện đại, trong khi đó các doanh nghiệp này lại khó khăn về cơ sở nguyên liệu, cơ sở sản xuất hoặc lực lượng lao động. Ngược lại, doanh nghiệp tư nhân trong nước và địa phương lại có các lợi thế trên. Nếu liên kết được hai bộ phận này với nhau thì lực lượng kinh tế tư nhân của người Việt Nam sẽ có cơ hội được lớn mạnh thêm. Cụ thể mô hình liên kết này: (i) Doanh nghiệp người Việt Nam ở nước ngoài liên kết với địa phương ở trong nước có doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề, để thực hiện đầu tư cơ sở nguyên liệu và thu mua nguyên liệu, hoặc kể cả đầu tư cơ sở chế biến để thực hiện chế biến sản phẩm từ nguồn nguyên liệu địa phương;

(ii) Các địa phương trong nước có nhiệm vụ xây dựng và phát triển cơ sở nguyên liệu cung cấp cho doanh nghiệp tư nhân đóng tại địa phương và doanh nghiệp người Việt ở nước ngoài, đồng thời liên kết với cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp, tập đoàn người Việt ở nước ngoài thực hiện các hợp đồng xuất khẩu lao động sang các doanh nghiệp người Việt ở nước ngoài; (iii) Các doanh nghiệp người Việt ở nước ngoài liên kết với doanh nghiệp khu vực tư nhân trong nước, thực hiện đầu tư thiết bị, công nghệ, dây chuyền sản xuất tại doanh nghiệp tư nhân ở trong nước, tổ chức sản xuất sản phẩm từ nguồn nguyên liệu trong nước chuyển qua, liên kết để thu mua sản phẩm của các doanh nghiệp trong nước và trực tiếp trao đổi thương mại hóa ở thị trường quốc tế;

(iv) Các doanh nghiệp tư nhân trong nước thực hiện liên kết sản xuất với doanh nghiệp người Việt và là trung tâm kết nối doanh nghiệp người Việt ở nước ngoài với địa phương để theo dõi thực thi các hợp đồng liên kết.

5.2. Đề xuất hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân nhằm khắc phục tình trạng yếu thế của khu vực kinh tế này so với các khu vực khác trong nền kinh tế thị trường hiện đại

Thứ nhất, chính sách trước mắt, bao gồm: (i) Tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi cho gia nhập thị trường, nhất là các thị trường mới, thị trường nước ngoài và nâng cao tính “chính thức” của khu vực kinh tế tư nhân; (ii) Tập trung tháo gỡ những điểm nghẽn, rào cản pháp lý đang cản trở hoạt động đầu tư kinh doanh của các chủ thể kinh tế tư nhân; (iii) Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp giảm gánh nặng chi phí, tăng cường khả

năng tiếp cận đa dạng nguồn vốn; (iv) Xóa bỏ các rào cản, biện pháp hành chính can thiệp trực tiếp, tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận đất đai;

Thứ hai, chính sách trung và dài hạn: (i) Xây dựng và triển khai hiệu quả các chính sách tăng cường nuôi dưỡng tinh thần kinh doanh, thúc đẩy tinh thần, ý chí khởi nghiệp sáng tạo; (ii) Nghiên cứu ban hành và triển khai hiệu quả các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các chủ thể kinh tế tư nhân phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tận dụng các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đón đầu các xu hướng phát triển mô hình kinh tế mới; (iii) Ban hành và triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khu vực tư nhân khai thác hiệu quả thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu, tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước, khu vực và toàn cầu; (iv) Ban hành và triển khai hiệu quả các chính sách tạo nguồn lực phát triển kinh tế tư nhân.

Thứ ba, chính sách áp dụng riêng đối với từng loại hình doanh nghiệp: (i) *Đối với các* doanh nghiệp khu vực tư nhân quy mô lớn hay các tập đoàn kinh tế tư nhân, nhấn mạnh đến hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp khu vực tư nhân tham gia vào quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp để hình thành nên những doanh nghiệp đa sở hữu quy mô lớn, dẫn dắt trong một số ngành, lĩnh vực; (ii) *Đối với* doanh nghiệp quy mô vừa, nhấn mạnh đến các chính sách thúc đẩy tích tụ vốn, khuyến khích sự tăng trưởng về quy mô của các doanh nghiệp tư nhân, khuyến khích các doanh nghiệp giữ lại lợi nhuận, tái đầu tư lợi nhuận vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp có thể được thực hiện thông qua các biện pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách chính sách thuế; (iii) *Đối với các* doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cần tập trung vào các chính sách liên quan đến tiếp cận dễ dàng hơn các nguồn sản xuất kinh doanh như: tài chính, đất đai, công nghệ, nhân lực, cũng như các chính sách tạo cơ hội bỏ vốn cho họ.

Bài viết thể hiện quan điểm mới khi nhìn nhận đánh giá kinh tế tư nhân Việt Nam theo góc độ cấu trúc tổng thể và liên kết các bộ phận cấu thành để tạo nên sức mạnh của lực lượng kinh tế tư nhân. Tuy vậy, trong khung khổ hạn chế của bài viết, các khía cạnh về vai trò động lực của lực ượng kinh tế tư nhân Việt Nam chủ yếu nêu ở góc độ nhận định, đánh giá tổng quát, chưa phân tích hay diễn giải sâu sắc nguồn gốc cụ thể. Các giải pháp phát triển lực lượng kinh tế tư nhân Việt Nam mới chỉ nêu ở góc độ đề xuất, mà chưa nêu được khía cạnh làm thế nào để thực hiện được những đề xuất đó.

Tài liệu tham khảo

ADB (2002), *Reference Guide for Private Sector Assessment*.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), *Báo cáo Phát triển bền vững doanh nghiệp*.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023a) *Sách Trắng doanh nghiệp Việt Nam*, NXB Thống kê 2023.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023b), *Niên giám thống kê*, NXB Thống kê 2023.

CIEM (2021), *Nâng cao năng lực của khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam trong giai đoạn mới*, Chương trình Australia Hỗ trợ cải cách kinh tế (Aus4Reform).

Đảng cộng sản Việt Nam (2017), *Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị Trung ương lần thứ năm (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, ban hành ngày 3/6/2017.

Đảng cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, NXB Chính trị Quốc gia.

-
- E.Wayne Nafziger (1998), *Kinh tế học của các nước đang phát triển*, NXB Thống kê.
- Linert I. (2009), ‘Where Does the Public Sector End and the Private Sector Begin?’, IMF Working paper WP/09/122.
- Michal P. Todaro (1997), *Kinh tế học cho thế giới thứ Ba*, NXB Giáo dục.
- Thomsen S. & Pederson T. (1998), ‘Industry and Ownership Structure’, *International Review of Law and Economics*, 18, 385-402.
- Thủ tướng Chính phủ (2023), *Nghị quyết số 45/NQ-CP về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, ban hành ngày 31/03/2023.
- Tổng cục Thống kê (2024), *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2024*.
- Trần Đình Thiên (2020), *Các thành phần kinh tế Việt Nam: Vấn đề và định hướng chính sách*, NXB Chính trị Quốc gia.
- V.I. Lê nin (1978), *Lê Nin toàn tập, tập 43*, NXB Tiến Bộ.
- VCCI (2023), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2022/2023: Năng lực động của doanh nghiệp Việt Nam: Hiện trạng, vị trí trong chuỗi giá trị toàn cầu*.
- Viện chiến lược - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023), *Báo cáo 2023: 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam*.
- Vietnam Report (2024a) *Bảng xếp hạng FAST500 - Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam*
- Vietnam Report (2024b), *Bảng xếp hạng PROFIT500 - Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2024*.